

BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /VPĐP-NV

V/v lấy ý kiến về dự thảo bộ tiêu chí
nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban ngành: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Cục Thống kê; Công thương; Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Nông nghiệp và PTNT; Tư pháp; Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Thực hiện Văn bản số 919/UBND-NN ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh về việc giao góp ý dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị các đơn vị, địa phương tham gia góp ý đối với dự thảo Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 (gồm: bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao; bộ tiêu chí tỉnh nông thôn mới).

(Có dự thảo Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp gửi kèm theo)

Văn bản góp ý của các đơn vị, địa phương xin gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh **trước ngày 18 tháng 3 năm 2020** (bản mềm xin gửi về địa chỉ email: minhhai0405@gmail.com)

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm, tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chánh VP, Phó Chánh VP;
- Lưu: VT, NV.



Trần Trọng Tuấn

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Quyết định số: 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn							

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Đề xuất: Gộp các chỉ tiêu, tiêu chí vào cùng Biểu; Không phân theo từng nhóm lĩnh vực)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1	Quy hoạch	1.1. <u>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của cấp huyện</u> và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. <u>Tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; <u>có rãnh thoát nước, biển báo giao thông, trồng cây lâu năm hoặc trồng hoa hoặc trồng cây cảnh dọc bên đường</u>	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	
3	Thuỷ lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững

		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được <u>nhựa hóa hoặc bê tông hóa hoặc lát gạch, đá</u> , đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; <u>có rãnh thoát nước, biển báo giao thông, có hệ thống điện chiếu sáng, được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa dọc bên đường</u>	85%	70%	100%	85%	85%	85%	100%	70%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, <u>có hệ thống điện chiếu sáng, được trồng hoa dọc bên đường</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn							
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm								
3	Thuỷ lợi	3.1. <u>Đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch (đối với nơi có điều kiện)</u> ; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững							

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	≥95%	≥99%	≥98%	≥98%	≥98%	≥99%	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có CSVC và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%	≥70%	100%	≥80%	≥80%	≥70%	100%	≥70%

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn <i>theo Quy định Hệ thống điện phân phối hiện hành, các tuyến đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình</i>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ ở khu dân cư theo quy hoạch được sử dụng điện thường xuyên, an toàn và tin cậy từ các nguồn	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
5	Giáo dục và Đào tạo	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có CSVC và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥90%	≥80%	100%	≥90%	≥90%	≥80%	100%	≥80%
		5.2 Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		5.3 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%	≥75%	≥95%	≥90%	≥90%	≥75%	≥95%	≥85%

6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định								
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		<u>5.4. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền</u>	<u>UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh</u>							
6	<u>Văn hoá</u>	6.1. Xã có <i>Trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>								
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao <u>tuổi</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		6.3. Thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, thu hút ít nhất 45% số người dân thường trú trên địa bàn tham gia <i>các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ; có đội hoặc câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoặc thể dục - thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả</i>								
		<u>6.4. Tỷ lệ thôn, bản, ấp được công nhận danh hiệu văn hoá</u>	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%
		<u>6.5. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã được tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"</u>	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc								
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính									
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã								
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn									

		6.6. Có mô hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng hiệu quả	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
		6.7. Có mô hình hiệu quả trong nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
		6.8. Các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được gìn giữ, bảo vệ đúng quy định	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, <u>hoặc có dịch vụ thương mại thông qua hệ thống internet hoạt động thường xuyên</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể <u>theo hướng xã hội hóa</u> , phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc								
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính <u>hoặc có dịch vụ chuyển phát bưu phẩm hoạt động thường xuyên</u>									
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể <u>theo hướng xã hội hóa</u> , phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã								
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn <u>hoạt động thường xuyên</u> ; <u>có tỷ lệ hộ sử dụng internet thường xuyên từ 80% trở lên</u>									

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	≥75%	≥90%	≥80%	≥80%	≥75%	≥90%	≥70%

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu <u>chuẩn</u>	≥85%	≥80%	≥95%	≥85%	≥85%	≥80%	≥95%	≥75%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (<i>triệu đồng/người</i>)	≥45	≥36	≥50	≥36	≥41	≥41	≥59	≥50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤6%	≤12%	≤2%	≤5%	≤5%	≤7%	≤1%	≤4%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm <u>2025</u> (<i>triệu đồng/người</i>)	≥81	≥65	≥90	≥65	≥74	≥74	≥106	≥90
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn <u>2021-2025</u>	≤3%	≤8%	0	≤2%	≤2%	≤4%	0	≤2%
12	Lao động có việc làm	<u>12.1.</u> Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
		<u>12.2.</u> Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥50%	≥35%	≥55%	≥50%	≥50%	≥35%	≥55%	≥35%

13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững; <u>có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao trở lên</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥85%	≥70%	≥90%	≥85%	≥85%	≥70%	≥90%	≥80%

14	Vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng	14.1. <i>MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên thực hiện giám sát xây dựng nông thôn mới hoặc có các gương điển hình người dân tham gia xây dựng nông thôn mới hàng năm</i>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương							
		14.2. <u>Tỷ lệ thôn, bản, ấp xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; giám sát công đồng về xây dựng nông thôn mới</u>	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	≥25%	≥45%	≥40%	≥40%	≥25%	≥45%	≥25%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥85%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8 %	≤26,7 %	≤13,9 %	≤24,2 %	≤24,2 %	≤31,4%	≤14,3 %	≤20,5 %
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước sạch)	≥90% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥98% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥95% (≥65% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		<u>14.3. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã hài lòng với kết quả xây dựng nông thôn mới của xã</u>	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế hoặc có cơ sở dịch vụ y tế được cấp phép hoạt động, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân	<u>UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã</u>							
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤20%							
16	<u>Tiếp cận pháp luật</u>	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng <u>nước sạch thường xuyên, an toàn từ hệ thống cấp nước tập trung</u>	≥70%	≥60%	≥75%	≥70%	≥70%	≥60%	≥75%	≥75%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc						
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥70%	≥90%	≥85%	≥85%	≥70%	≥90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT	≥70%	≥60%	≥80%	≥70%	≥75%	≥60%	≥80%

		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường <u>sáng</u> - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc						
		<u>17.5. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>
		17.6. Chất thải rắn trên địa bàn khu dân cư tập <u>trung được</u> thu gom, xử lý theo quy định; <u>mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phân tán quy mô hộ hoặc nhóm hộ</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	<u>≥90%</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥95%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥95%</u>
		<u>17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥65%</u>	<u>≥85%</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥80%</u>	<u>≥65%</u>	<u>≥85%</u>

		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
--	--	---	------	------	------	------	------	------	------	------

		17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
--	--	---	------	------	------	------	------	------	------	------

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

18	Hệ thống chính trị	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn " <u>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</u> " trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã <u>được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ"</u> trở lên	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không dễ xảy ra trọng án; tội phạm và TNXH (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không dễ xảy ra trọng án; tội phạm và TNXH (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước; Công an xã được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc; <u>các thôn, bản, ấp có mô hình tư quân về an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG XÃ NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Công văn số: 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ NN&PTNT)

1. Xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 là xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020).

2. Một số nội dung trọng tâm định hướng xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020

a) Lĩnh vực Hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư.

b) Lĩnh vực Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân:

- Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.

- Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÃ NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Xã được công nhận nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển KT-XH trên địa bàn
		1.2. Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư	
2	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	2.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt
		2.2. Có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương	≥ 1
		2.3. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực của xã	$\geq 80\%$

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.

- Đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

c) Lĩnh vực Giáo dục - Y tế - Văn hóa:

- Nâng cao trình độ dân trí của người dân: đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.4. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất <u>nông nghiệp</u> hữu cơ	Đạt
		2.5. <u>Có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 4 sao trở lên</u>	≥1
		2.6. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	Đạt
		2.7. Thu nhập bình quân đầu người <u>của xã</u> tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới nâng cao phải cao hơn so với <u>mức</u> thu nhập bình quân đầu người <u>quy định đối với vùng để xét, công nhận xã</u> đạt chuẩn nông thôn mới <u>tại cùng thời điểm</u>	≥1,2 lần
		2.8. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm so với mức quy định đối với vùng <u>để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm</u> (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	≤0,5 lần
3	Giáo dục - Y tế - Văn hóa	3.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		3.2. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Mức độ 3
		3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥65%

- Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

- Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được bảo đảm, thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.4. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	100%
		3.5. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	≥95%
		3.6. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã được quản lý sức khỏe	≥90%
		3.7. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
		3.8. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc thể dục, thể thao	≥50%
		3.9. Có mô hình câu lạc bộ hoạt động hiệu quả về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương	Đạt
		3.10. Tỷ lệ thôn, bản, ấp được công nhận danh hiệu văn hoá	≥80%
		3.11. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã được tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"	≥90%

d) Lĩnh vực Cảnh quan - Môi trường:

- Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác tại nguồn.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 70% trở lên lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

đ) Lĩnh vực An ninh trật tự - Hành chính công:

'- An ninh trật tự được bảo đảm; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
4	Môi trường	4.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung	100%
		4.2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn toàn xã	Đạt
		4.3. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥65%
		4.4. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		4.5. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh	Đạt
5	An ninh trật tự - Hành chính công	4.6. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn	≥80%
		5.1. An ninh trật tự được bảo đảm	Đạt
		5.2. Có mô hình điển hình về thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
		5.3. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn, bản, ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		5.4. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt

3. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh: Căn cứ nội dung định hướng trên, ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Chủ tịch UBND cấp tỉnh xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020.

TIÊU CHÍ XÃ KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Quyết định số: 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020

Xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định và đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo:

a) Tổ chức sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả;

b) Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

2. Tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hoá:

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên. số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÃ KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025

1. Xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	1.1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		1.2. Có hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả	≥2
		1.3. Có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao	≥1
		1.4. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người quy định đối với vùng để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm	≥1,5 lần
		1.5. Hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Không
2	Giáo dục - Y tế - Văn hoá	2.1. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động đi học mẫu giáo	≥90%
		2.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1	100%

học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên;

b) Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên;

c) Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

3. Tiêu chí Môi trường:

a) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên;

b) Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn, bản, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến;

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	≥95%
		2.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥95%
		2.5. Trạm y tế xã hoặc các cơ sở dịch vụ y tế trên địa bàn xã được cấp phép hoạt động có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Đạt
		2.6. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	100%
		2.7. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã được quản lý sức khỏe	≥95%
		2.8. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc thể dục, thể thao	≥60%
		2.9. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có mô hình đội hoặc câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	100%
3	Môi trường	3.1. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥80%
		3.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn	≥90%
		3.3. Tỷ lệ km đường xã, thôn, bản, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây lâu năm hoặc trồng hoa hoặc trồng cây cảnh	100%

c) Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng;

d) Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

đ) 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.

4. Tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công:

a) Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm;

b) Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

II. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu được ban hành tại Quyết định này và điều kiện thực tế địa phương, lựa chọn loại hình xã nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm tiêu chí quy định tại Điều 1 Quyết định này (về sản xuất, về văn hóa, về giáo dục, về du lịch, về môi trường, về an ninh trật tự...) để hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.4. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt
		3.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥90%
		3.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%
4	An ninh trật tự - Hành chính công	4.1. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm	Đạt
		4.2. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; Có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả	Đạt

II. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu **giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Mục I nêu trên** và điều kiện thực tế địa phương, lựa chọn loại hình xã nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm tiêu chí quy định tại **Mục I nêu trên** (về sản xuất, về văn hóa, về giáo dục, về du lịch, về môi trường, về an ninh trật tự...) để hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu **giai đoạn 2021-2025**.

TIÊU CHÍ HUYỆN NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Quyết định số: 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:

1. Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ HUYỆN NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:

1. Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	<u>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh và được công bố công khai đúng thời hạn</u>	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã <u>và kết nối trong tỉnh</u>	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch; có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng; được <u>trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa dọc bên đường</u>	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch, <u>đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch</u> (ở nơi có điều kiện phù hợp)	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, <u>các tuyến đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình</u>	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	<u>Giáo dục - Y tế - Văn hóa</u>	5.1. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%
		5.2. Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		5.3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt
6	Sản xuất	Có vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung <u>được cấp mã vạch</u> ; có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện; <u>có ít nhất 3 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao</u>	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%
		7.3. <u>Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện</u>	<u><30%</u>
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội <u>trên địa bàn toàn huyện</u>	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

Có 100% số xã trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo <u>các</u> chương trình mục tiêu quốc gia <u>huyện</u> được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình <u>mục tiêu quốc gia xây dựng</u> nông thôn <u>mới huyện</u> được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

Có 100% số xã trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ HUYỆN NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Huyện được công nhận nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 là huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

II. Có từ 50% trở lên số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	1.1. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cấp mã vạch	≥2 vùng
		1.2. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất đối với ít nhất 02 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	100%
		1.3. Sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao	≥5 sản phẩm
		1.4. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới nâng cao phải cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người quy định đối với vùng để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm	≥1,2 lần
		1.5. Hộ nghèo (trừ các trường hợp bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Không
2	Giáo dục	Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥90%
3	Môi trường	3.1. Xây dựng cảnh quan, môi trường trên địa bàn toàn huyện xanh - sạch - đẹp - an toàn	Đạt
		3.2. Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện	Không
4	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn toàn huyện	Đạt
5	Hành chính công	Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Đạt

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ TỈNH NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. TỈNH NÔNG THÔN MỚI:

I. Có 100% số huyện trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

II. Có 100% số thị xã và thành phố trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

III. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch tỉnh	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường tỉnh đảm bảo kết nối tới các đơn vị cấp huyện trong tỉnh và kết nối vùng	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường tỉnh đạt chuẩn theo quy hoạch; có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng; được trồng cây bóng mát dọc bên đường	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý đồng bộ với hệ thống thủy lợi của các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch (ở nơi có điều kiện phù hợp)	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên huyện đồng bộ với hệ thống điện các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo mỹ quan	Đạt
5	Giáo dục - Y tế - Văn hóa	Có mô hình giáo dục STEM tiêu biểu, hoạt động hiệu quả	Đạt
		<i>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia</i>	Đạt
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện có hiệu quả	Đạt
6	Sản xuất	<i>Có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có ứng dụng công nghệ cao và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ</i>	Đạt
7	Môi trường	Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn	Đạt
		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện bằng biện pháp chôn lấp	<15%
8	An ninh trật tự	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn toàn tỉnh	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

I. Có 100% số huyện trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

II. Có 100% số thị xã trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới./.

Ghi chú:

Giáo dục STEM là trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Những kiến thức và kỹ năng này phải được tích hợp, lồng ghép và bổ trợ cho nhau giúp học sinh không chỉ hiểu biết về nguyên lý mà còn có thể áp dụng để thực hành, vận dụng kiến thức để tạo ra sản phẩm hoặc giải quyết các vấn đề của thực tế cuộc sống.

Trong đó với kỹ năng khoa học, học sinh được trang bị kiến thức về các khái niệm, các nguyên lý, các định luật và các cơ sở lý thuyết của giáo dục khoa học. Mục tiêu quan trọng nhất là thông qua giáo dục khoa học, học sinh có khả năng liên kết các kiến thức này để thực hành và có tư duy để sử dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong thực tế....